

**TÒA ÁN NHÂN DÂN H. HÒA VANG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số **30/2021/HNGĐ-ST**

Ngày **22/7/2021**

*V/v tranh chấp*

*"Ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Hồng Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Hồng Khánh

Ông Tân Nghi

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bàng –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày **22/7/2021**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/03/2021 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/07/2021, giữa:

**\*Nguyên đơn: Ông Trần Quang T**, sinh ngày 07/08/1993; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt

**\*Bị đơn: Bà Phạm Thị Hiền**, sinh ngày 07/02/1993; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Trần Quang T trình bày:* Tôi (T) và bà Phạm Thị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đ (Số đăng ký 18/2013, quyển số 01/2013 ngày 11/03/2013). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ. Trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống và tính cách không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường hay cãi vã và xô xát với nhau, chúng tôi không thể giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng cuối năm 2019 đến nay. Nay, tôi xác định về tình cảm không còn thương yêu bà Hiền nữa, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống, tôi và bà H có 02 con chung tên Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2013 và Trần Hữu H1, sinh ngày 03/6/2017. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại bản tự khai, bị đơn - bà Phạm Thị H trình bày:* Tôi (H) và ông Trần Quang T kết hôn với nhau vào ngày 11/3/2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn trầm trọng như ông T trình bày để dẫn đến việc ly hôn. Tuy nhiên tôi cũng có một phần lỗi nhỏ trong cuộc sống vợ chồng trong lời ăn tiếng nói, việc làm không phải với ông T và gia đình ông T nên vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại, mặt khác khi tôi góp ý thì ông T không nghe mà bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ 2019 đến nay. Nay, tôi xác định về tình cảm tôi vẫn còn thương yêu với ông T, tôi mong muốn được đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống, tôi và ông T có 02 con chung tên Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2013 và Trần Hữu H1, sinh ngày 03/6/2017. Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ/02 cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa,* nguyên đơn ông Trần Quang T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Tại phiên tòa,* bị đơn bà Phạm Thị H yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

*Tại phiên tòa,* đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn ông Trần Quang T đối với bà Phạm Thị H. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Quang T được ly hôn bà Phạm Thị H; Về con chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao 02 con là Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2013 và Trần Hữu H1, sinh ngày 03/6/2017 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ/02 cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bên không nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: ông Trần Quang T và bà Phạm Thị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Án phí HNGĐ ông Trần Quang T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Trần Quang T khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" đối với bà Phạm Thị H. Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195 và khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*: Ông Trần Quang T và bà Phạm Thị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng (Số đăng ký 18/2013, quyển số 01/2013 ngày 11/03/2013). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại Thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, quan điểm sống và tính cách không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường hay cãi vã và xô xát với nhau, nên không thể giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng cuối năm 2019 đến nay. Vì vậy ông T xác định về tình cảm không còn thương yêu bà H nữa, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần Quang T đối với bà Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng ông T, bà H đã không có tiếng nói chung, nguyên nhân mâu thuẫn ltheo ông T là do quan điểm sống và tính cách không phù hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường hay cãi vã và xô xát với nhau, bà H xúc phạm đến bản thân ông và gia đình ông. Mặc dù vợ chồng bà cũng đã nhiều lần cố gắng để tìm cách cải thiện, hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đạt được kết quả. Vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay mỗi người sống mỗi nơi và không ai có trách nhiệm với ai. Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2021 của Tòa án thì ông T và bà H đang sinh sống tại thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã nhau và có những lời nói hành động không chuẩn mực.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông T và bà H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần Quang T đối với bà Phạm Thị H là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu xin được đoàn tụ gia đình của bà H, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà không có giải pháp gì để níu kéo vợ chồng xây dựng hạnh phúc gia đình, hàn gắn với ông T. Mặt khác, tại phiên tòa ông T vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn điều đó chứng tỏ bản thân bà cũng không có thiện chí cũng như không còn tha thiết gắn bó, xây dựng hạnh phúc với ông T nên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu đoàn tụ gia đình của bà và khả năng hàn gắn là không thể nên không có cơ sở để xem xét.

[3] *Về con chung*: Ông T và bà H xác định có 02 con chung tên Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2013 và Trần Hữu H1, sinh ngày 03/6/2017. Ly hôn ông bà thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con là Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2013 và Trần Hữu H1, sinh ngày 03/6/2017 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ/02 cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy sự thỏa thuận của các

đương sự phù hợp với Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX thấy cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông Trần Quang T và bà Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân gia đình ông Trần Quang T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con của nguyên đơn ông Trần Quang T đối với bị đơn bà Phạm Thị H. Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Quang T được ly hôn bà Phạm Thị H.

2. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng 02 con Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2013 và Trần Hữu H1, sinh ngày 03/6/2017. Ly hôn ông bà thống nhất thỏa thuận giao cả 02 con là Trần Thị Thùy Tr, sinh ngày 05/11/2013 và Trần Hữu H1, sinh ngày 03/6/2017 cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ/02 cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con theo quy định của pháp luật.

3. *Án phí*: Ông Trần Quang T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008171 ngày 23/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, thành phố Đ.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng ông Trần Quang T phải chịu.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự (theo địa chỉ);
- VKSND huyện H;
- UBND xã H;
- (Số ĐK 18/2013, quyển số 01/2013, ngày 11/03/2013)
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án. (7b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Hồng Hải**

